

năm 1985. Các nghề phụ như làm gạch, làm ngói, nung vôi, kéo mật vẫn duy trì và được hợp tác xã bán lương thực hỗ trợ, sản phẩm vượt kế hoạch cũng được qui thành lương thực hoặc tiền. Công tác phân phối thu nhập trong hợp tác xã được chuyển đổi thực hiện theo Quyết định số 32-/QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng; Nghị quyết số 32 -NQ/TU, ngày 20/6/1987 của Tỉnh uỷ nhằm xoá bỏ chế độ tập trung quan liêu, bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Công lao động được trả bằng lương thực, bằng tiền để khuyến khích phát triển toàn diện trồng trọt, chăn nuôi và ngành nghề. Sau khi nộp thuế cho Nhà nước, hợp tác xã để lại 8 quỹ là: Giống dự phòng, giống cho vụ sau, thóc chăn nuôi, thóc công ích, phân bón, khen thưởng, quỹ kinh tế mới và quỹ cho quốc phòng. Đảng uỷ chỉ đạo hợp tác xã phải tính đúng, tính đủ chi phí hợp lý giá thành sản phẩm để khắc phục tình trạng ăn thâm vào vốn, loại trừ những chi phí bất hợp lý để dễ xảy ra tiêu cực, đồng thời hợp tác xã không được bán sản phẩm thấp hơn giá thành sản xuất.

Những kết quả đạt được trong việc chuyển đổi và đẩy mạnh thâm canh, xen canh là những thành tựu và chuyển biến tích cực của xã trong chương trình lương thực và thực phẩm. Nhưng nhìn chung sản xuất vẫn phát triển chậm, cơ cấu cây trồng từng năm không ổn định, diện tích cây vụ đông trên đất lúa còn thấp. Chế độ khoán trong hợp tác xã chậm đổi mới. Tình trạng kê đọng sản phẩm vẫn còn. Động lực trong việc nhận khoán còn bị hạn chế.

Nhằm đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, khắc phục những hạn chế sau một thời gian hơn 7 năm thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư. Ngày 05/4/1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10 -NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Mục đích là giải phóng mọi

năng lực sản xuất, khai thác có hiệu quả đất đai, lao động, phát huy sức mạnh tổng hợp của tất cả các thành phần kinh tế. Nghị quyết chỉ rõ: Tiếp tục khuyến khích cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và hộ xã viên, đảm bảo các hộ xã viên có thu nhập từ 40% sản lượng khoán trở lên, người nhận khoán có quy mô diện tích thích hợp, ổn định trong 15 năm.

Để thực hiện đưa nghị quyết 10 của Bộ Chính trị vào cuộc sống, tháng 4/1988 Tỉnh ủy Hà Nam Ninh ra Nghị quyết số 08, Thông báo số 62. Ủy ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 453 –/QĐ-UB về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp và quy định về cải tiến cơ chế khoán sản phẩm, cải tiến công tác quản lý, phân phối trong hợp tác xã nông nghiệp. Đảng ủy đã tập trung chỉ đạo việc kiện toàn Ban quản lý hợp tác xã, thành lập Ban chỉ đạo, xây dựng đề án giao ruộng, xây dựng phương án khoán, định sản lượng cùng các định mức chi phí khác. Hợp tác xã nông nghiệp có chức năng tổ chức sản xuất, chế biến kinh doanh, phát triển mạnh ngành nghề, mở rộng liên doanh liên kết và điều hành các dịch vụ phục vụ sản xuất như: Tưới tiêu, làm đất, giống cây trồng, bảo vệ thực vật, chăm lo đời sống xã viên và hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước.

Theo đề án xây dựng của hợp tác xã thì ruộng đất giao cho xã viên làm 2 vòng: Vòng 1 giao cho xã viên 50% diện tích; vòng 2 giao 50% diện tích chia cho lao động trong độ tuổi, những lao động quá tuổi được chia 1 sào/lao động để tự túc lương thực và được miễn thủy lợi phí và nộp các quỹ. Những gia đình neo đơn, hộ chính sách thương binh, gia đình liệt sỹ, tàn tật ưu tiên nhận ruộng gần. Năng suất lúa khoán cho xã viên 140 kg/sào, các chỉ tiêu giao nộp ổn định theo định mức của hạng đất.

Đảng uỷ chỉ đạo cho Uỷ ban nhân dân trực tiếp cùng hợp tác xã kiểm kê tài sản như nhà kho, sân kho, dụng cụ sản xuất, trâu bò của tập thể hợp tác xã. Sau kiểm kê đã được định giá bán thanh lý cho hộ xã viên. Đất sân kho đã được xây dựng quy hoạch thành đất dân của khu dân cư.

Từ khi được giao quyền tự chủ trong sản xuất, xã viên yên tâm đầu tư và thâm canh. Người nhận khoán có quyền thuê mướn lao động để sản xuất. Đối với các loại đất là thùng đào, ao hồ thì hợp tác xã đã thực hiện cho khoán thầu. Với diện tích đất trồng lúa của Trác Văn trên 700 mẫu, sau khi được giao khoán theo Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, năng suất của các hộ tăng lên rõ rệt từ 60 tạ/ha của năm 1985 thì đến năm 1988 ngay vụ đầu năng suất đã đạt 78 – 80 tạ/ha. Bên cạnh năng suất lúa tăng, cây mầu cũng phát triển tốt, đặc biệt là cây mía được sản xuất 286 mẫu thì sản lượng năm 1989 đã đạt 4.300 tấn vượt xa khi chưa thực hiện khoán 10. Cây ngô đông cũng phát triển mạnh ở bãi ven sông Châu.

Chăn nuôi và ngành nghề cũng khởi sắc hơn, đàn lợn đạt trên 2.500 con, việc nuôi lợn, nuôi gia cầm được khuyến khích, những hộ nuôi lợn nái được mượn đất để trồng rau. Vì vậy, đàn lợn nái đã phát triển tới 200 con, cung cấp giống cho xã viên trong và ngoài xã. Ngoài việc làm nghĩa vụ thực phẩm với Nhà nước, các hộ được bán sản phẩm trên thị trường tự do. Một số ngành nghề cũng được nhận khoán đến sản phẩm cuối cùng. Ngói sản xuất đã cung cấp ra thị trường trên 10 vạn viên, gạch 180 vạn viên, vôi 12 vạn tấn. Một số ngành mới như cơ khí cũng phát triển để sửa chữa công cụ và phục vụ cho xây dựng cơ sở hạ tầng. Các nghề như dạy tơ, thêu ren, trồng tỏi, khoai tây để xuất khẩu đã thu về 3 - 4 triệu đồng/năm.

Công tác giáo dục vẫn được Đảng bộ chú trọng, ngành giáo dục tiếp tục chương trình cải cách giáo dục, giữ vững số lượng học sinh khu A có 17 lớp học cấp I, 7 lớp cấp II với 976 học sinh; khu B có 13 lớp cấp I, 7 lớp cấp II với 780 học sinh. Trường mầm non có 365 cháu, nhiều lớp đặt tại các thôn xóm và đã được hợp tác xã tạo điều kiện chăm nuôi các cháu theo hình thức bán trú, tạo thời gian lao động cho các gia đình có con nhỏ.

Trạm y tế đã được tu sửa, nâng cấp vững trải, trạm gồm 1 bác sỹ trạm trưởng, một lương y, 2 y tá và một nữ hộ sinh, trạm đã thực hiện tốt việc khám chữa bệnh cho nhân dân, thực hiện chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em từ 0 – 6 tuổi. Trạm tham gia tuyên truyền và bảo đảm các điều kiện cho phụ nữ thực hiện tốt công tác phòng tránh thai, giữ vững tỷ lệ tăng dân số tự nhiên theo kế hoạch huyện giao là 1,2%.

Trong công tác lao động, ngoài việc củng cố các đội chuyên phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, việc khoanh vùng đảm bảo tưới tiêu, đẩy mạnh chuyên canh, thâm canh nhằm phân công lao động xã hội hợp lý. Đảng bộ còn thực hiện vận động nhân dân đi xây dựng kinh tế miền núi. Từ năm 1986 đến năm 1990, xã Trác Văn đã vận động và tạo điều kiện để 30 hộ với 150 nhân khẩu đi xây dựng kinh tế tại Kơ nông pông, Đắc Lắc và Bảo Lộc (Lâm Đồng).

Thực hiện Chỉ thị số 55 –CT/TW của Ban Bí thư Trung ương (khoá VI); Nghị quyết số 29/NQ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và Chỉ thị số 135/CT-HĐBT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về tăng cường công tác bảo vệ trật tự trị an, an toàn xã hội. Đảng bộ đã phát động

phong trào “quân chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc”, lực lượng công an xã và công an viên tại các thôn xóm được kiện toàn. Lực lượng dân quân tự vệ của xã gồm 1 đại đội mạnh, các thôn thành lập trung đội, các xóm có tiểu đội. Tỷ lệ dân quân của xã đạt 2,1% so với dân số. Lực lượng dân quân tự vệ lực lượng an ninh đều được tập huấn, bồi dưỡng hàng năm. Dân quân xã Trác Văn đã tham gia bắn đạn thật đạt loại giỏi, tham gia diễn tập phòng thủ khu vực mang mật danh PH90 với đầy đủ quân số và được huyện đánh giá cao. Lực lượng quân sự và công an xã luôn phối hợp chặt chẽ với nhau, đặc biệt là trong các chiến dịch lớn, ngày lễ, ngày tết, vì vậy trong nhiều năm không có tội phạm và vụ việc lớn xảy ra.

Trong thời kỳ 1986 – 1990, thời kỳ triển khai công cuộc đổi mới của Đảng, Đảng bộ xã Trác Văn đã tiến hành 2 kỳ đại hội Đảng bộ. Ngày 26/8/1986, Đại hội lần thứ XVI được tổ chức, Đại hội đã bầu 21 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy gồm 7 đồng chí. Đồng chí Trương Ngọc Quế được bầu làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Đặng Thanh Bình làm phó Bí thư, đồng chí Trịnh Đức Thành phó Bí thư được phân công phụ trách chính quyền làm Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã, đồng chí Trần Văn Sửu là Chủ nhiệm hợp tác xã Nông nghiệp. Tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI, đồng chí Đặng Thanh Bình được bầu vào ủy viên dự khuyết Ban chấp hành Đảng bộ huyện.

Ngày 13/10/1988, Đại hội lần thứ XVII của Đảng bộ khai mạc. Đại hội đã tập trung đánh giá kết quả thực hiện Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế và thực hiện các chỉ tiêu do đại hội lần thứ XVI đề ra và đề ra nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 1989 – 1990. Đại hội đã

bầu 15 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ, 5 đồng chí trong Ban Thường vụ Đảng uỷ. Đồng chí Trương Ngọc Quế được bầu làm Bí thư Đảng uỷ, đồng chí Đặng Thanh Bình – phó Bí thư, đồng chí Phạm Ngọc Oanh giữ chức quyền Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, đồng chí Trần Văn Sửu là Chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp.

Trong 5 năm (1986 – 1990) cả hai nhiệm kỳ của đại hội thứ XVI và XVII, trong công tác xây dựng Đảng, Đảng bộ vẫn coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng. Các Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI mở đầu cho công cuộc đổi mới của Đảng, các giải pháp và nhiệm vụ cụ thể của Tỉnh uỷ trong nghị quyết Đại hội lần thứ IV Tỉnh Đảng bộ và nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI được quán triệt sâu rộng và xây dựng chương trình hành động thực hiện. Các Nghị quyết chuyên đề như Nghị quyết số 02 –NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 22 –NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về nhiệm vụ quốc phòng, Chỉ thị số 135/CT-HĐBT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về tăng cường công tác bảo vệ trật tự trị an trong tình hình mới; Chỉ thị 15 –CT/TW của Bộ Chính trị về nội dung bài báo của tác giả NVL được chia thành từng lớp học tập và thảo luận. Đặc biệt là Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 08, Thông báo số 62 –TB/TU của Tỉnh uỷ; Quyết định 453 của Uỷ ban nhân dân tỉnh được triển khai học tập và xây dựng đề án thực hiện đến từng thôn, xóm, từng hộ xã viên.

Nhiệm vụ xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh vẫn được quan tâm thường xuyên trên cả các mặt như giáo dục chính trị tư tưởng, xây dựng tổ chức Đảng và làm tốt công tác

kiểm tra ở tổ chức Đảng và đảng viên. Trong 5 năm, ngoài việc quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Đảng bộ đã đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, trang bị đủ sách, báo, thông báo nội bộ cho các chi bộ theo lịch. Công tác quy hoạch cán bộ được rà soát hàng năm, các chức danh cán bộ theo Nghị quyết số 09 đều được đào tạo, một số đồng chí đã từ 2 đến 3 bằng Trung cấp, 100% cán bộ Hợp tác xã nông nghiệp đã qua đào tạo. Công tác kiểm tra được các cấp uỷ Đảng chỉ đạo kiểm tra toàn diện ở các lĩnh vực, vì thế không có tiêu cực xảy ra, cán bộ, đảng viên được uốn nắn kịp thời, không có đảng viên vi phạm phải xử lý kỷ luật.

Nổi bật trong thời kỳ này là Đảng bộ chỉ đạo thực hiện cuộc vận động lớn “làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội” theo tinh thần của Nghị quyết số 04 –NQ/TW, ngày 12/9/1987 của Bộ Chính trị. Sau khi thực hiện quán triệt đến đảng viên và các tổ chức đoàn thể, tổ chức chính quyền. Để đạt được yêu cầu của cuộc vận động là nhằm hạn chế những hiện tượng tiêu cực. Khắc phục tình trạng giảm sút ý chí chiến đấu, bảo thủ, trì trệ của tổ chức Đảng và đảng viên. Đảng bộ đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên thực hiện kiểm điểm, phê bình và tự phê bình gắn với nhiệm vụ chính trị của đảng viên đảm nhiệm và nhiệm vụ được phân công. Các đoàn thể quần chúng được tổ chức học tập theo địa bàn thôn xóm. Qua đợt học tập và triển khai chương trình hành động của cuộc vận động tình hình tư tưởng, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân có chuyển biến. Từng người đã tích cực đấu tranh thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực. Qua đấu tranh phê bình, tự phê bình và triển khai sâu rộng cuộc vận động, những hiện tượng tiêu cực được

phát hiện, kiểm tra và xử lý, trong đó có 2 đồng chí đảng viên vi phạm phải xử lý đưa ra khỏi tổ chức Đảng.

Các tổ chức của Đảng từ tổ Đảng, các chi bộ cũng được sắp xếp lại cho hợp lý gắn liền với sản xuất và đời sống ở luỹ tre xanh, chi bộ trường học được sắp xếp ổn định không phải sinh hoạt ghép, tạo điều kiện cho chi bộ lãnh đạo nâng cao chất lượng giáo dục. Các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính quyền, đoàn thể thay nhau đi học tập các lớp tại chức để nâng cao trình độ văn hoá, lý luận và chuyên môn. Hàng năm, Đảng bộ đều cử các đồng chí cấp uỷ viên dự các lớp tập huấn của huyện mở. Tổng số đảng viên của Đảng bộ là 353 đảng viên. Qua phân tích chất lượng đảng viên năm 1989 có 346 đồng chí dự phân tích: Đảng viên phát huy tốt vai trò là 207 đồng chí; đảng viên còn hạn chế là 125 đồng chí; đảng viên có khuyết điểm, giảm sút ý chí 2 đồng chí, đảng viên vi phạm vụ lợi cá nhân 6 đồng chí, vi phạm ý thức tổ chức, chấp hành chính sách của Đảng 6 đồng chí.

Tháng 4 – 1987, diễn ra cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp huyện và xã. Đảng bộ đã chỉ đạo chặt chẽ các bước chuẩn bị cho bầu cử, thực hiện các quy trình để nhân dân thực hiện quyền dân chủ của mình. Cuộc bầu cử thắng lợi, 99,7% cử tri của xã tham gia bầu cử. Sau bầu cử, bộ máy chính quyền xã được củng cố và tiến hành xây dựng quy chế, chương trình hoạt động, chương trình phối hợp chỉ đạo triển khai hoạt động giữa Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Năm 1990, Hội cựu chiến binh xã Trác Văn được thành lập, đây là tổ chức chính trị có đông hội viên và tỷ lệ tập hợp hội viên

cao. Qua 2 cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, quân nhân từ các chiến trường trở về địa phương đã đóng góp phần trong các phong trào cách mạng, thì bây giờ lại là thành viên nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc, đây là chỗ dựa tin cậy của Đảng bộ trong công tác xây dựng, xây dựng chính quyền vững mạnh.

Hội phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh vẫn là lực lượng đông đảo, trực tiếp thực hiện các phong trào của Hội mang lại hiệu quả thiết thực cho địa phương. Ngày 08/3/1988, Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam phát động 2 cuộc vận động lớn: Phụ nữ làm kinh tế giỏi, phụ nữ nuôi dạy con tốt. Năm 1990, phụ nữ huyện phát động phong trào “Những điều cần cho sự sống”. Qua những cuộc vận động này đã giúp cho phụ nữ thêm kiến thức trong cuộc sống và trong sản xuất. Đảng uỷ đã chỉ đạo Hội phụ nữ xã tổ chức nhiều buổi tập huấn, tọa đàm về kiến thức giới, kiến thức áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất. Hội đã tổ chức giúp đỡ nhau giống, vốn để phát triển kinh tế và đảm bảo cho con cái học hành đầy đủ.

Hội nông dân cũng hưởng ứng phong trào do Trung ương Hội nông dân phát động: Thi đua làm giàu yêu nước, xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. 4 nội dung của cuộc vận động được Hội tổ chức học tập, quán triệt sâu sắc là: Động viên nhau tích cực lao động sản xuất, ổn định cuộc sống, tăng thu nhập gia đình, làm giàu chính đáng cho bản thân và quê hương. Phong trào đã được cụ thể hoá trong việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị. Việc thay đổi các giống lúa, con nuôi có năng suất cao được hội viên hưởng ứng, việc chuyển đổi từ độc canh sang đa canh, xen

canh được hội viên quán triệt, triển khai. Đặc biệt là Hội nông dân đã tiếp nhận các dự án, các nguồn vốn cho hội viên có điều kiện tạo việc làm và mở rộng sản xuất.

Tháng 01/1984, Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh phát động phong trào tuổi trẻ xung kích đẩy mạnh sản xuất lương thực và phát triển nghề nghiệp với 3 chương trình: Học tập, rèn luyện xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; tuổi trẻ lao động sáng tạo, tiết kiệm và giải quyết việc làm cho thanh niên; tuổi trẻ xung kích trên mặt trận an ninh, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc. Với 3 chương trình này, trong thời kỳ 1986 – 1990, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, lực lượng thanh niên luôn là nòng cốt, xung kích trên mặt trận thủy lợi, áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất, hàng hái tham gia trong lực lượng an ninh, lực lượng dân quân tự vệ giữ gìn an ninh trật tự thôn xóm, chống lại âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Trong phong trào xây dựng quê hương giàu đẹp, Đoàn thanh niên xã Trác Văn luôn là lực lượng làm đẹp môi trường, thực hiện tích cực trong việc đẩy mạnh giao thông nông thôn, chống và bài trừ những thủ tục lạc hậu, tốn kém trong đám cưới, đám tang.

Bên cạnh những kết quả đạt được của xã Trác Văn dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ vẫn còn bộc lộ những hạn chế đối với sự phát triển: Tốc độ phát triển kinh tế còn chậm so với tiềm năng đất đai, lao động; sản xuất vẫn mang tính độc canh, phân tán phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nhiều. Việc rút kinh nghiệm, nhân điển hình tiên tiến chậm, việc áp dụng tiến bộ khoa học trong sản xuất nông nghiệp và trong chăn nuôi còn tùy tiện nên năng suất chưa tương xứng với khả năng đề ra. Chương trình dân số, hàng xuất khẩu đạt chỉ tiêu thấp, chưa ở mức ổn định. Đời sống của một bộ phận dân cư còn khó khăn.

Bộ máy chính quyền, đoàn thể đã tinh gọn theo Quyết định 277-QĐHĐBT của Hội đồng Bộ trưởng nhưng một số tổ chức Đảng, tổ chức thôn xóm còn làm việc nặng theo hành chính, hiệu quả chưa cao. Các tổ chức đoàn thể còn xem nhẹ việc giáo dục chính trị tư tưởng. Phương thức tập hợp đoàn viên, hội viên chậm đổi mới.

Phát huy những thành tích đạt được, ngăn chặn những phát sinh trở ngại đến sự phát triển. Đảng bộ xã Trác Văn đã tiến hành tổng kết công tác xây dựng Đảng năm 1990, rút ra những bài học bổ ích và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện phấn đấu đạt mục tiêu cao hơn trong những năm tiếp theo.

II – Lãnh đạo thực hiện chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội (1991 – 1995)

Sau 5 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra. Những chủ trương, chính sách mới của Đảng trong công cuộc đổi mới đã mang lại kết quả rõ rệt. Tình hình kinh tế, đời sống nhân dân được cải thiện, dân chủ xã hội ngày càng mở rộng. Nhưng chúng ta cũng gặp những khó khăn phải đương đầu đó là: Tình hình kinh tế của đất nước cuối năm 1990 có nơi giảm sút, lạm phát vẫn ở mức cao, tiêu cực có chiều hướng gia tăng; lợi dụng sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và sự tan rã của Liên Xô, chủ nghĩa đế quốc đẩy mạnh chiến lược diễn biến hoà bình, tấn công vào Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Tình hình trên đã có tác động không nhỏ đến cán bộ, đảng viên và các tầng lớp dân cư.

Tháng 6/1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đã diễn ra tại Hà Nội. Đại hội đã tổng kết, đánh giá 5 năm thực

hiện công cuộc đổi mới do đại hội VI đề ra. Đại hội đề ra phương hướng, mục tiêu cho 5 năm (1991 – 1995); đề ra chiến lược ổn định, phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Đại hội thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Tháng 3/1991, Đảng bộ huyện Duy Tiên tiến hành tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII. Đại hội đã đề ra mục tiêu, phương hướng xã phấn đấu trong 5 năm (1991 – 1995) là: Tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản, từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế theo hướng tập trung chuyên mạnh nông nghiệp sản xuất hàng hoá, lấy lương thực, thực phẩm làm trọng tâm. Đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp... đảm bảo ổn định tình hình kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, khuyến khích làm giàu chính đáng.

Quán triệt nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng, nghị quyết Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ V và sự chỉ đạo của Huyện uỷ. Từ ngày 04 đến ngày 05 tháng 9 năm 1991, Đảng bộ xã Trác Văn đã tiến hành Đại hội lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 1991 – 1994. Đại hội đã đóng góp ý kiến vào dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) trình Đại hội toàn quốc lần thứ VII; báo cáo dự thảo của Đại hội lần thứ V Đảng bộ tỉnh và báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện trình Đại hội lần thứ XVIII. Đại hội đánh giá kết quả thực hiện lãnh đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ đại hội lần thứ XVII và đề ra những mục tiêu, giải pháp phấn đấu trong những năm 1991 – 1994. Đại hội bầu 11 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ,

tại kỳ họp thứ nhất Ban Chấp hành đã bầu 3 đồng chí trong Ban Thường vụ Đảng uỷ. Đồng chí Trần Văn Sử được bầu làm Bí thư Đảng uỷ xã, đồng chí Đặng Thanh Bình – phó Bí thư Thường trực. Đồng chí Trương Ngọc Quế - phó Bí thư phụ trách chính quyền làm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã.

Đầu năm 1992, hợp tác xã nông nghiệp xã Trác Văn tiến hành Đại hội xã viên hợp tác xã tổng kết nhiệm kỳ 1989 – 1991. Nhiều thành tích được xã viên đánh giá cao, trong những lúc khó khăn về giống, vốn, vật tư nhưng hợp tác xã vẫn tạo điều kiện cung ứng kịp thời cho các hộ nhận khoán giữ được mức sống ổn định. Tuy nhiên, những tồn tại của hợp tác xã trong quản lý 5 khâu cũng còn nhiều vấn đề phải khắc phục như thủy lợi nội đồng, điện phục vụ cho sản xuất, hệ thống bơm để tưới tiêu, đặc biệt là chuyển đổi cơ cấu giống đối với từng loại đất còn chưa hợp lý. Việc tổ chức chuyển giao khoa học và gieo cấy, chăm bón chưa thường xuyên, vì vậy mức độ đồng đều trong khoán chưa cao.

Thực hiện Thông báo số 100 –TB/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ; Quyết định số 115 –QĐ/UB, ngày 15/02/1992 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã nông nghiệp, nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của cơ chế khoán 10. Quyết định 115 của Uỷ ban nhân dân tỉnh xác định hợp tác xã nông nghiệp là tổ chức kinh tế tập thể, hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ được Nhà nước cấp giấy chứng nhận giao đất ổn định để tiến hành sản xuất đến năm 2013. Đối tượng được nhận ruộng bao gồm những nhân khẩu đang làm nông nghiệp ở địa phương, bộ đội đang tại ngũ chưa hết thời gian nghĩa vụ, cán bộ thôi việc về sản xuất tại địa

phương theo Quyết định 176, 111, 315 của Hội đồng Bộ trưởng, con cán bộ, công nhân mà bố mẹ về hưu sống ở nông thôn, khẩu mới sinh thêm tính từ 20/11/1992.

Sau khi trình phương án được duyệt tổng thể, các đội sản xuất thực hiện quán triệt, học tập và hợp tác xã cùng Ban chỉ đạo tiến hành giao đất. Tổng số quỹ đất để lại công ích 5%, cộng với diện tích thùng đào, thùng đấu, ao hồ giao cho Ủy ban nhân dân xã quản lý cho đấu thầu để sản xuất, phần thu đấu thầu nộp vào ngân sách xã để chi cho những việc công ích. Khi thực hiện Quyết định 115 tổng số khẩu toàn xã là 6779 khẩu. Bình quân ruộng cấy lúa (cả xướng mạ) là 0,89 sào/khẩu, đất màu 0,57 sào/khẩu. Việc giao đất thực hiện công khai, dân chủ vì vậy không có hiện tượng cục bộ, gian lận xảy ra. Trong dịp giao ruộng lâu dài theo Quyết định 115, xã đã chỉ đạo kết hợp giữa giao ruộng và vận động thu hồi nợ đọng, thu hồi những đất canh tác thừa và không hợp lệ. Số thửa giao cho các hộ cũng gọn hơn. Những hộ thuộc diện chính sách của xã được ưu tiên giao ruộng gần và ít thửa. Đến cuối năm 1992 đầu năm 1993 việc giao đất hoàn thành, bình quân mỗi hộ có từ 5 – 6 thửa.

Sau khi giao đất ổn định, Đảng bộ đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, hợp tác xã nông nghiệp, các đoàn thể nhân dân cùng phối hợp để thực hiện mạnh các giải pháp nhằm đạt 4 chương trình, đặc biệt là chương trình lương thực, thực phẩm phải đạt mức độ cao hơn nhằm thực hiện tốt việc ổn định kinh tế để lấy đà phát triển toàn diện các mặt khác. Những giải pháp đó là:

- Tích cực chuyển đổi cơ cấu giống có năng suất cao vào gieo trồng và trong chăn nuôi gia súc, gia cầm;

- Đẩy mạnh công tác thuỷ lợi nội đồng, kết hợp giữa thuỷ lợi và giao thông, tích cực tu sửa và làm mới đường giao thông thôn xóm tạo điều kiện cho sản xuất phát triển và xây dựng các cụm dân cư tiên tiến;

- Đẩy mạnh công tác áp dụng tiến bộ khoa học trong sản xuất, bao gồm trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề, dịch vụ;

- Tăng cường cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho sản xuất và phục vụ cho đời sống dân sinh.

Từ đầu năm 1993, khí thế lao động sản xuất của xã Trác Văn lên khá mạnh, các hộ nhận ruộng tận dụng đất đai hết khả năng, lao động không kể thời gian và tận dụng mọi nguồn lao động để sản xuất. Hợp tác xã đã cung ứng và đưa các giống mới có năng suất, chất lượng cao như: C70, C71, ả 32, ả Mai Hương đưa vào cấy nhóm xuân muộn và chính vụ từ 70 – 80%. Diện tích trà sớm giảm xuống còn 20% chủ yếu dùng DT10, VN10 nguyên chủng. Đối với vụ mùa được chỉ đạo giảm trà muộn, tăng trà sớm lên trên 60% bằng các giống có năng suất cao và mang tính hàng hoá như Khang dân, Q5, 164, X21, Lương quảng. Xã đã chỉ đạo ngoài việc tăng vụ trên đất màu, đất hai lúa cũng được sản xuất theo công thức 2 vụ lúa 1 vụ màu là cây vụ đông, tăng hệ số sử dụng đất lên 2,5 lần. Phong trào VAC ở các hộ gia đình cũng sôi động, nhiều gia đình phá trồng tre và các cây lấy gỗ, cải tạo vườn tạp bằng các giống cây ăn quả cho hiệu quả kinh tế. Hợp tác xã vừa cung ứng và hướng dẫn sử dụng phân vi sinh NPK, sử dụng các chế phẩm diệt trừ sâu, côn trùng và tăng năng suất cây trồng. Việc thay đổi cơ cấu giống và đẩy mạnh các tiến bộ kỹ thuật đã đưa năng suất lúa và hoa màu của toàn xã liên

tục tăng cao. Năm 1991 lúa đạt năng suất 39,7 tạ/ha, năm 1993 đạt 75,3 tạ/ha. Sản lượng quy thóc đạt 3000 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 478 kg, nhiều hộ đã có lương thực dự trữ cho những tháng giáp hạt. Năm 1995, thời tiết thuận lợi và qua một vài năm nhân dân đã quen với việc thâm canh, thực hiện tốt việc bảo vệ phòng trừ sâu bệnh vì vậy cả 2 vụ chiêm, mùa đều đạt cao. Năng suất vụ chiêm đạt 53,9 tạ/ha, vụ mùa đạt 40,1 tạ/ha. Diện tích mẫu trên 500 mẫu cũng đạt năng suất vượt 15% so với thời kỳ 1981 – 1985.

Đàn gia súc, gia cầm cũng tăng nhanh, do lương thực dồi dào và giá cả bán ra thị trường đảm bảo lãi cao, lưu thông khá thông thoáng. Năm 1990 – 1991, chỉ có tổng đàn từ 1800 – 2000 con lợn thì đến năm 1995 tổng đàn thường xuyên ở mức 2500 – 2600 con, trọng lượng xuất chuồng tăng gấp 1,3 lần. Đàn trâu, bò năm 1990 bán đấu giá của hợp tác xã cho xã viên có 300 con thì đến năm 1994 tăng lên 400 con. Đàn gia cầm tăng mạnh, nhiều hộ đã nuôi gà, ngan công nghiệp, có hộ ở Trác Văn nuôi tập trung tới 2000 – 3000 con gà một lứa.

Công tác thủy lợi được đẩy mạnh, sau khi giao ruộng theo Quyết định 115 thì thửa của các hộ có ít đi và quy hoạch cũng có những thay đổi. Để đảm bảo thâm canh tốt, chống hiện tượng không mưa thì hạn, mưa bão nhiều bị ngập làm hỏng lúa. Hợp tác xã đã huy động đào đắp tới 24.941 m³, trong đó làm máng tiêu cho khu vực trũng sâu tiêu nước ra sông Giát là 9.171 m³; năm 1992 – 1993, nâng cấp kênh đầu mối tưới, tiêu bắc đường 60, cống chùa, khôi phục cống Ngóc A4-13-3 qua kênh I4-17. Nâng cấp công trình đê quai sông Châu Giang với trị giá 60 triệu đồng.

Từ năm 1991 – 1995, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VII) về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế xã hội nông thôn. Xã tiếp tục chỉ đạo và đầu tư sửa, nâng cấp những tuyến đường đã được rải đá nhưng thời kì bị mưa nhiều, bão nhiều làm ngập lụt phá hoại mùa màng. Năm 1993, đã nâng cấp rải đá được 14 km và cải tạo mặt bằng đường thôn xóm với tổng kinh phí 34.604.772 đồng. Một số đường trục chính ra đồng cũng được rải đá cấp phối vì vậy khi sản xuất và thu hoạch không bị lầy lội.

Để đảm bảo cho sản xuất và phục vụ đời sống tốt hơn, xã tiếp tục đầu tư xây dựng thêm 1 trạm biến áp 100 KW, mua thêm 2 máy tăng âm 100A cho truyền thanh, trang bị thêm dây, cột loa để đài truyền thanh phục vụ xuống tận khu dân cư. Trạm xá của xã được đầu tư 60 triệu đồng xây dựng mới ở vị trí trung tâm xã, đảm bảo đủ tiện nghi để chăm sóc sức khoẻ ban đầu. Trạm y tế vẫn đảm bảo đủ biên chế và thực hiện tích cực các chương trình tiêm chủng mở rộng, chương trình phòng dịch bệnh, không để dịch xảy ra. Trạm tập trung và tham mưu cho xã thực hiện chương trình chống suy dinh dưỡng của trẻ em, chương trình dân số - kế hoạch hoá gia đình theo tinh thần các Nghị quyết Trung ương (khoá VII).

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá VII) về công tác giáo dục, năm học 1993 – 1994, trường phổ thông cơ sở của xã được tách thành 2 trường. Học sinh cấp I được mang tên là trường Tiểu học A, Tiểu học B. Học sinh học cấp II mang tên trường Trung học cơ sở. Các trường được nâng cấp ngôi hoá vững chắc, bàn ghế được trang bị đầy đủ, học sinh không phải học 2 ca. Sĩ số học sinh của 2 trường tiểu học và Trung học cơ sở tăng 5% so với những năm học của thời kỳ 1981 – 1985. Trường tiểu học A, B, trường Trung học cơ sở đều đạt danh hiệu tiên tiến các năm. Năm 1995, xã Trác

Văn cùng các xã khác của huyện đã được cấp trên công nhận phổ cập Trung học cơ sở.

Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được ổn định và từng bước nâng cao, các chính sách xã hội cũng được quan tâm giải quyết. Các gia đình chính sách, gia đình neo đơn khó khăn được tập thể trích quỹ giúp đỡ, thăm hỏi. Xã đã tặng 13 sổ tiết kiệm tình nghĩa trị giá 1,8 triệu đồng cho gia đình chính sách, thực hiện trợ cấp cho 28 gia đình có khó khăn hoặc bị tai nạn rủi ro. Năm 1994, tiếp tục vận động 8 gia đình với 47 khẩu và 18 lao động chính và thực hiện chính sách đền bù, chính sách trợ cấp ban đầu để các gia đình có điều kiện đi xây dựng kinh tế mới ở các tỉnh phía Nam. Kinh tế phát triển, nhiều nhà đã xây dựng được nhà kiên cố, mái bằng và sắm được các trang thiết bị đắt tiền. Tính đến hết năm 1994 toàn xã đã có 67,52% hộ gia đình có nhà lợp ngói, 3,2% gia đình xây dựng kiên cố và làm mái bằng bê tông cốt thép, 30% số gia đình có máy thu hình, toàn xã có 22 xe gắn máy.

Thực hiện Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước, trong năm 1995, xã đã có 12 bà mẹ được phong tặng và truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị 135 –CT-HĐBT, ngày 14/5/1989 của Hội đồng Bộ trưởng về công tác trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới, xã đã phối hợp với lực lượng công an huyện, lực lượng quân sự huyện phát động và thực hiện nhiều đợt ra quân trấn áp tội phạm. Đến năm 1993, 1994, tình hình tội phạm hoạt động trên địa bàn giảm, tạo lòng tin quần chúng. Tài sản, mùa màng của nhân dân không bị mất mát, những mâu thuẫn nhỏ được giải quyết ngay tại thôn xóm. Theo Chỉ thị số 14 –CT/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh, xã

đã cử lực lượng diễn tập sẵn sàng chiến đấu mang mật danh LX92 đạt kết quả cao.

Lực lượng dân quân tự vệ thường xuyên kiện toàn đủ số lượng tại chỗ theo quy định 1 trung đội mạnh của xã và 1 trung đội an ninh quốc phòng. Lực lượng dự bị động viên của các binh chủng vẫn được duy trì, sẵn sàng lên đường khi có lệnh. Hàng năm, xã thực hiện khám tuyển nghĩa vụ quân sự 2 lần, thực hiện giao quân 2 lần, số người gọi nhập ngũ luôn luôn đảm bảo chỉ tiêu huyện giao.

Từ ngày 07-5 đến ngày 08/5/1994, Đảng bộ tiến hành Đại hội đại biểu xã lần thứ XIX nhiệm kỳ 1994 – 1996. Đại hội đã đánh giá cao những thành tựu đạt được của 3 năm thực hiện chiến lược ổn định và phát triển kinh tế 1991 – 1993 mà trọng tâm là phát triển lương thực, thực phẩm, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân. Đồng thời đề ra phương hướng, giải pháp tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, ổn định an toàn xã hội, xây dựng và đổi mới nông thôn.

Đại hội đã đánh giá kết quả của công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể chính trị xã hội từ đầu nhiệm kỳ đại hội lần thứ XVIII. Đại hội đánh giá, sở dĩ tình hình kinh tế của xã bước vào thực hiện kế hoạch 1991 – 1995 thì khó khăn, nhưng đến năm 1994 đã có những bước phát triển vượt bậc, nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng là do Đảng bộ đã làm tốt công tác xây dựng Đảng cả về tư tưởng, tổ chức và chính trị. Chính quyền và các đoàn thể luôn luôn được củng cố, kiện toàn. Các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của tỉnh, của huyện đều được quán triệt sâu rộng. Đặc biệt là Quyết định 115 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao ruộng đất lâu dài cho nhân dân, thực hiện cải tiến cơ chế

quản lý của hợp tác xã, tích cực xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội được chỉ đạo tỷ mỉ, quán triệt và tuyên truyền đến từng hộ xã viên và khi thực thi đảm bảo công khai, dân chủ nên không có mâu thuẫn, mọi người đều phấn khởi bám sát nhiệm vụ sản xuất. Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá 7) tháng 6/1992 về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Đảng bộ coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng, ngoài việc tổ chức cho đảng viên học tập, quán triệt. Đảng uỷ trực tiếp xây dựng đề án thực hiện. Đề án đã đảm bảo yêu cầu: Nâng cao bản lĩnh chính trị và năng lực lãnh đạo của Đảng; nâng cao trình độ kiến thức, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên; khắc phục có hiệu quả tệ tham nhũng; tăng cường dân chủ, kỷ luật, củng cố khối đại đoàn kết trong Đảng. Sau khi triển khai đề án, các chi bộ đều sinh hoạt đều đặn, xây dựng nghị quyết sát hợp. Công tác kiểm tra từ chi bộ và Uỷ ban kiểm tra của Đảng uỷ đều bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế, tập trung vào hoạt động của Đảng, của chính quyền, các đoàn thể có liên quan đến kinh tế để hạn chế hẳn những tiêu cực phát sinh, mối quan hệ giữ Đảng – Chính quyền – các đoàn thể và nhân dân được củng cố.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, nghiệp vụ của Đảng bộ vẫn duy trì, cán bộ đương chức và cán bộ kế cận được cử đi học các lớp trung cấp lý luận, nghiệp vụ chuyên môn và Đảng uỷ thường xuyên, định kỳ hàng năm đều mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ thôn xóm, trường học ngay tại địa bàn xã. Công tác phát triển đảng viên mới được các chi bộ quan tâm. Từ năm 1991 – 1995, Đảng bộ đã kết nạp được 12 đảng viên mới.

Đánh giá chất lượng tổ chức Đảng và đảng viên qua các năm của Đảng bộ đều có chuyển biến tích cực. Toàn Đảng bộ có 15 chi bộ với 403 đảng viên. Phân loại có 11 chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, 4 chi bộ đạt loại khá, không có chi bộ yếu kém. Dự phân loại đảng viên có 355 đồng chí, đạt loại 1 có 301 đảng viên bằng 82,54%; loại 2 có 47 đảng viên bằng 16,67%, loại 3 có 1 đảng viên bằng 0,84%. Trong các năm từ 1991 – 1995, Đảng bộ xã Trác Văn đều được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Đại hội đã bầu 11 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ. Đồng chí Đặng Thanh Bình được bầu là Bí thư Đảng uỷ, đồng chí Trần Văn Mậu được bầu là Phó Bí thư Thường trực. Đồng chí Trương Ngọc Quế - Phó Bí thư phụ trách chính quyền làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Chuẩn bị cho ngày bầu cử Quốc hội khoá IX vào ngày 19/7/1992, Đảng bộ đã lãnh đạo và Ủy ban nhân dân xã triển khai đồng loạt các bước chuẩn bị và thực hiện như tuyên truyền, chuẩn bị các điều kiện cho bầu cử và đảm bảo thật an toàn nơi bỏ phiếu. Kết quả cuộc bầu cử đã thành công tốt đẹp 98,8% cử tri của xã đã hoàn thành bầu đủ số lượng theo quy định. Hội đồng nhân dân xã đã thực hiện tốt việc giám sát và quyết định những vấn đề về kinh tế, xã hội an ninh, quốc phòng. Tiếp nhận và phản ánh ý kiến và nguyện vọng của các cử tri với những cơ quan chức năng để trả lời và giải quyết. Ủy ban nhân dân từng bước cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo các công việc đúng luật nhưng nhanh, gọn theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 8 (khoá VII).



Tập thể dục Dưỡng sinh của hội người cao tuổi xã Trác Văn

Thực hiện Nghị quyết 8b của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) về đổi mới công tác quần chúng của Đảng; nghị quyết Trung ương 4 về công tác thanh niên; Nghị quyết 04 –NQ/TW, ngày 12/7/1993 của Bộ Chính trị về đổi mới và tăng cường công tác phụ nữ; Nghị quyết số 07 –NQ/TW, ngày 17/11/1993 của Bộ Chính trị về đại đoàn kết và tăng cường mặt trận thống nhất. Đảng bộ đã chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tổ chức cho đoàn viên, hội viên triển khai học tập, quán triệt và đẩy mạnh các phong trào thi đua phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Mặt trận Tổ quốc đã phối hợp chặt chẽ với các tổ chức thành viên động viên nhân dân thực hiện tốt các chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, đẩy mạnh cuộc vận động “toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc” và cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Hội Nông dân tích cực vận động kết nạp hội viên và đẩy mạnh phong trào “xoá đói giảm nghèo”, thực hiện triển khai các dự án vay vốn và quản lý để hội viên sử dụng đúng mục đích vào sản xuất kinh doanh, mở các lớp đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất cây trồng, vật nuôi.

Hội phụ nữ tích cực trong phong trào giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, phát triển các ngành nghề thủ công, chăm sóc tốt sức khoẻ phụ nữ, trẻ em; thực hiện tốt cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. Hai cuộc vận động: “Phụ nữ giúp đỡ nhau làm kinh tế gia đình và nuôi dạy con tốt” đã góp phần không nhỏ trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Có 100% chi hội đăng ký thực hiện 5 tiêu chuẩn của phong trào. Nhân dịp ngày 08/3/1995, Hội sơ kết thực hiện phong trào đã có 80% hội viên đạt 5 tiêu chuẩn,

trong đó có 34% hội viên phụ nữ đạt danh hiệu xuất sắc cả 2 phong trào. Hội đã tạo được trên 300 triệu đồng từ các nguồn vốn khác nhau cho 305 lượt hội viên vay để tạo việc làm và phát triển sản xuất góp phần đưa tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 1995 còn 21% và tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống còn 27%. Tiêu biểu của 2 phong trào là chi hội Phong Dinh, Lạt Hà, Vĩnh Học, Hồng Hương, Bắc Hoà.

Hội Cựu chiến binh tuy mới được thành lập nhưng luôn phát huy bản chất “Bộ đội cụ Hồ”, đẩy mạnh 2 phong trào: Xây dựng cơ sở hội vững mạnh, hội viên Hội cựu chiến binh gương mẫu và gia đình hội viên Hội cựu chiến binh tiến bộ. Hội có gần 60% hội viên là đảng viên luôn là nòng cốt trong xây dựng, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, luôn gương mẫu trong phát triển sản xuất, xây dựng cuộc sống mới ở nông thôn, nổi bật của Hội là thực hiện việc từ thiện, nhân đạo và hoạt động tình nghĩa. Hội có 30 hội viên tham gia vào Tổ hoà giải. Trong 5 năm (1991 – 1995), Hội đều đạt trong sạch vững mạnh.

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh đã tổ chức hoạt động sôi nổi, đa dạng, là nòng cốt trong phong trào thủy lợi, phong trào chuyển đổi cơ cấu giống, áp dụng tiến bộ vào sản xuất nông nghiệp. Từ năm 1991 – 1995, Đoàn thanh niên Trác Văn tổ chức 15 cuộc Hội thảo, toạ đàm về tình yêu hôn nhân, vệ sinh môi trường, phòng chống HIV/AIDS, Luật an toàn giao thông, mở hơn 20 lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật. Phong trào “thanh niên lập nghiệp”, “tuổi trẻ giữ nước” do Trung ương Đoàn phát động được đông đảo đoàn viên tham gia. Đoàn còn có trách nhiệm tổ chức hoạt động và điều dưỡng thiếu niên và nhi đồng. Nhiều phong trào được các trường học duy trì như “vượt khó học giỏi”, “nói lời hay làm việc

tốt” giúp 16 đội viên vươn lên trong học tập và giúp đỡ cha mẹ trong sản xuất, đời sống. Tiêu biểu hoạt động tốt của Đoàn thanh niên và đội thiếu niên là chi đoàn ở thôn Tường Thụy Làng, thôn Tường Xá, Lệ Thủy. Trong 5 năm đã có 25 đoàn viên được kết nạp vào Đảng.

Mười năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 – 1995) trong đó 5 năm Đảng bộ lãnh đạo nhân dân thực hiện chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội (1991 – 1995). Là xã thuần nông, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề phát triển chậm, chủ yếu sản xuất dựa vào trồng trọt là chính, vì thế những năm qua Đảng bộ lãnh đạo nhân dân triển khai thực hiện để đạt các mục tiêu của kế hoạch 5 năm gặp nhiều khó khăn do thiên tai gây ra. Mặt khác, trong những năm qua để khắc phục khó khăn chung của cả nước, Đảng, Nhà nước liên tục có những quyết sách quan trọng nhằm xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, phát huy tính chủ động sáng tạo của các thành phần kinh tế. Sự đổi mới là một cuộc cách mạng để tiến lên, nhưng để đạt được kết quả, Đảng bộ và nhân dân Trác Văn đã phải vượt qua những trở ngại về tư tưởng tư hữu, về những quyền lợi của người lao động được bao cấp trước kia để vươn lên bằng chính đôi tay và khối óc của người lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng. Các giải pháp về giao quyền chủ động sản xuất trực tiếp cho người lao động; thực hiện đổi mới cơ cấu giống; thực hiện đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật từ khâu giống, ươm, cấy, chăm sóc, thu hoạch, kết hợp với đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất, đẩy mạnh công tác thủy lợi và giải quyết tốt những vấn đề nổi cộm. Từ đó nhân dân phấn khởi, tích cực và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Đảng bộ đoàn kết, luôn đổi mới cách nghĩ, cách làm đã dẫn đến thành công bước đầu trong việc thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Dân chưa giàu nhưng đã phát triển khá, đời sống cải thiện, nông thôn thay đổi. Đây sẽ là nền tảng, là niềm tin để Đảng bộ và nhân dân Trác Văn bước sang những giai đoạn phấn đấu cao hơn.

CHƯƠNG VII

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO TIẾP TỤC SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (1996 – 2005)

I - Thực hiện phát triển kinh tế xã hội theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá (1996 – 2000)

Sau 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Duy Tiên lần thứ XVIII. Đảng bộ và nhân dân xã Trác Văn đã nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tựu quan trọng, nhiều chỉ tiêu vượt trên giao vượt mức kế hoạch. Tuy nhiên, những năm cuối của thế kỷ 20, bước vào thực hiện phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đề ra là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Xã Trác Văn vẫn gặp những khó khăn: Là xã thuần nông, ngành nghề dịch vụ phân tán phát triển chậm, cơ sở hạ tầng xuống cấp, nhiều hộ trong xã vẫn còn nghèo; đất nước ta đã ra khỏi khủng hoảng về kinh tế - xã hội, nhưng 4 nguy cơ mà Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ nêu ra vẫn là những thách thức lớn. Để vượt qua khó khăn và vươn lên mạnh mẽ, đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân Trác Văn phải đoàn kết chặt chẽ, năng động, sáng tạo vận dụng các chỉ thị, nghị quyết mới của Đảng phù hợp với địa phương để không ngừng khai thác có hiệu quả tiềm năng lao động đất đai, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế qua từng năm.

Thi hành Chỉ thị số 51 –CT/TW, ngày 09/3/1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII. Ngày 19/01/1996, Đảng bộ xã đã tiến hành Đại hội đại biểu khoá XX, nhiệm kỳ 1996 – 2000. Đại hội đã thông qua báo cáo ý kiến tổng hợp vào dự thảo văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và dự thảo văn kiện tại đại hội Đảng bộ huyện Duy Tiên lần thứ XIX; đánh giá kết quả 5 năm thực hiện các mục tiêu do Đại hội lần thứ XIX đề ra và đề ra phương hướng phấn đấu của nhiệm kỳ tới là: Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp một cách toàn diện theo hướng sản xuất hàng hoá, phát triển cả trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản, trên cơ sở phát triển nông nghiệp, mở rộng ngành nghề, dịch vụ để tận dụng lao động và thay đổi cơ cấu lao động xã hội trong phạm vi toàn quốc; tích cực đầu tư và nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn, đẩy mạnh hoạt động văn hoá, thể thao, giáo dục, y tế nhằm nâng cao cả đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, tạo ra chuyển dịch mạnh mẽ trong kinh tế. Xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị xã hội vững mạnh.

Đại hội đã bầu 11 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XX. Đồng chí Đặng Thanh Bình được bầu làm Bí thư Đảng uỷ, đồng chí Trần Văn Mậu – phó Bí thư Thường trực. Đồng chí Ngô Văn Vui – Phó Bí thư phụ trách chính quyền làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Sau Đại hội Đảng bộ, các mục tiêu, giải pháp thiết thực do đại hội đề ra được triển khai nhanh chóng đến các chi bộ và các đội sản xuất. Tuy nhiên, việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội gặp không ít khó khăn. Sản xuất nông nghiệp vẫn bị thiên nhiên đe dọa:

Cuối tháng 7/1996 cơn bão số 2 gây mưa kéo dài làm ngập nhiều diện tích lúa; cuối tháng 8 lại có đợt áp thấp nhiệt đới kết hợp cơn bão số 4 gây úng ngập nghiêm trọng hơn. Nước đê sông Hồng lên cao, nhiều xã ở trong tỉnh đã bị vỡ bồi. Đảng bộ đã huy động toàn bộ lực lượng lao động, toàn bộ phương tiện từ bơm máy đến các phương tiện thô sơ để chống úng nội đồng và lực lượng thường trực huy động các phương tiện tại chỗ sẵn sàng bảo vệ đê sông Hồng; đến những năm 1999 và năm 2000 thời tiết cũng diễn ra không mấy thuận lợi, rét đậm, rét hại vụ chiêm xuân, vụ mùa thường gây mưa lớn. Giá cả vật tư phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và phục vụ đời sống luôn khan hiếm và biến động. Do có sự chuẩn bị chu đáo và chủ động của từng năm nên những khó khăn đã được hạn chế và sản xuất vẫn phát triển, tính mạng, tài sản của nhân dân đảm bảo an toàn tuyệt đối. Trên mặt trận sản xuất, trong vụ mùa 1996 nói riêng và các năm tiếp theo toàn xã vẫn giành thắng lợi cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Năng suất lúa, hoa màu năm sau cao hơn năm trước, từ 95,43 tạ/ha năm 1996, năm 1997 đạt 103 tạ/ha, bình quân 1996 - 2000, 5 năm đạt 103,4 tạ/ha, tăng 2,46% so với mục tiêu Đại hội lần thứ XX đề ra.

Về sản lượng lương thực qui thóc bình quân 5 năm đạt 4808 tấn/năm, tăng gần 3% so với nhiệm kỳ đại hội lần thứ XIX và tăng 2,46% so với mục Đại hội lần thứ XX đề ra. Bình quân lương thực đầu người đạt 595,5 kg/năm, so với nhiệm kỳ Đại hội XIX tăng 94,5 kg.

Về chăn nuôi, đàn lợn bình quân 5 năm đạt 4086 con, tổng sản lượng xuất chuồng mỗi năm là 336 tấn so với chỉ tiêu Đại hội đề ra vượt cả về số lượng, tổng sản lượng thịt tăng 1,5% trên năm. Đàn trâu, bò, bê, nghé so với chỉ tiêu đề ra tăng 86 con, tổng đàn lợn do

có lương thực dồi dào nên cũng tăng mạnh đã đạt 6000 con/năm, sản lượng lợn hơi xuất chuồng đạt 400 tấn. Đàn gia cầm đạt 150.000 con với sản lượng đạt 225 tấn. Diện tích nuôi cá trắm vớt ở sông Hồng và nuôi cá thịt ở đầm, hồ, ao đạt 80 tấn/năm. Đàn ong nuôi lấy mật cũng bắt đầu phát triển ở thôn Tường Thụy, Lệ Thủy. Thực hiện Nghị quyết số 01 --NQ/TW, ngày 14 tháng 11/1998 về việc chuyển đổi, đổi mới tổ chức quản lý Hợp tác xã theo Luật hợp tác xã. Tháng 6/1999, Đảng bộ đã chỉ đạo chuẩn bị tiến hành Đại hội Hợp tác xã nông nghiệp. Trước khi Đại hội, công tác kiểm kê vốn, quỹ, xử lý tài sản của hợp tác xã nông nghiệp đã được tiến hành khẩn trương và đảm bảo đúng nguyên tắc. Đối với công nợ, hợp tác xã đã làm rõ khoản phải thu, phải trả. Như vậy, toàn bộ xã viên của hợp tác xã nông nghiệp (cũ), sau Đại hội đã chuyển thành hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp với tên gọi là Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp.

Sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ cũng có chuyển biến tích cực. Đảng uỷ đã chủ trương khuyến khích và giúp đỡ các thành phần kinh tế phát triển theo cơ cấu thị trường. Tại khu vực trung tâm xã và tại các trục đường chính của các thôn đã có nhiều dịch vụ được mở ra như sản xuất vật liệu xây dựng, bán phân bón và các hàng hoá dân dụng trong sinh hoạt hàng ngày. Một số hộ đã phát triển dịch vụ làm đất, vận tải. Tại thời điểm cuối năm 2000, toàn xã đã có 2 ô tô vận tải, 37 xe công nông, 17 máy làm đất nhỏ, 18 máy xay xát thóc. Nghề cơ khí sửa chữa, làm điện, nghề may mặc, nghề thợ xây, thợ mộc vẫn duy trì và quy mô ngày càng lớn hơn, từ sản xuất cá nhân trước kia thì đến năm 2000 có nhiều tổ hợp sản xuất ra đời. Phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ ở Trác Văn đã giải

quyết tốt số lao động dư thừa, số lao động nhàn rỗi khi đã cấy, gặt xong và tăng thêm thu nhập đáng kể cho người lao động. Bình quân thu nhập từ ngành nghề của mỗi hộ đạt từ 4 – 6 triệu đồng/năm. Tính chung cả ngành nghề và dịch vụ thu nhập đã đạt 25% so với thu nhập của ngành nông nghiệp.

Sở dĩ xã đã đạt được những thành tựu trong sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ là do có sự chỉ đạo chặt chẽ, vận dụng sáng tạo các nghị quyết của cấp trên về chuyển đổi mùa vụ, chuyển đổi giống và động viên các thành phần kinh tế cùng nỗ lực vươn lên.

Sự thay đổi mùa vụ hợp lý đã làm thay đổi đáng kể năng suất cây trồng: Diện tích trồng lúa luôn ổn định 1330 mẫu (467 ha), diện tích trồng cây màu 586 mẫu. Vụ lúa chiêm Đảng bộ đã chỉ đạo tăng trà xuân muộn từ 45% năm 1996 lên 80% năm 2000. Trà lúa muộn của vụ mùa được chỉ đạo giảm dưới 10%. Một số giống lúa có năng suất cao như Tạp giao, Q5, Lương Quảng 164, DV108... được đưa vào sản xuất. Riêng lúa tạp giao tăng diện tích lên 35%. Toàn bộ giống mới giai đoạn này sau khi đã thí điểm được chỉ đạo cấy đại trà trên 75% ở diện tích của vụ mùa đưa năng suất có đội sản xuất đạt từ 10,5 – 11 tấn/ha. Các giống ngô lai, khoai lang có năng suất cao đều được trồng đại trà ở đất màu.

Cùng với việc chú trọng đưa giống có năng suất cao vào sản xuất và thay đổi cơ cấu mùa vụ, Đảng uỷ luôn chỉ đạo chú trọng và đầu tư thâm canh từ khâu gieo mạ, cấy và gieo trồng đúng kỹ thuật, đúng thời vụ, bón đủ phân, bón đúng loại. Công tác khuyến nông của hợp tác xã đã mở nhiều lớp tập huấn để chuyển giao tiến bộ kỹ

thuật cho xã viên. Trồng cây vụ đông như đậu tương AK03, khoai tây, bí xanh, ngô đông cũng được chú trọng, hợp tác xã đã cung ứng đủ giống đảm bảo chất lượng cho nhân dân. Kết quả các loại giống mới được đầu tư thâm canh, tưới tiêu đúng kỹ thuật đã tiết kiệm chi phí lao động, tiết kiệm vật tư, tiết kiệm được chi phí phòng trừ sâu bệnh được nhân dân đồng tình tiếp nhận. Trong chăn nuôi hợp tác xã cũng đưa nhiều giống mới vào các hộ gia đình như lợn lai kinh tế, lợn siêu nạc, lợn nái, cá trắm cỏ, trê lai. Một số loại gia cầm nuôi tập trung bán công nghiệp như gà Tam hoàng, vịt siêu trứng, ngan Pháp được nhiều hộ gia đình chăn thả, có gia đình nuôi gần 2000 con/lúa và làm tốt công tác tiêm phòng, đã cho thu hoạch chăn nuôi trở thành ngành chính. Trong 5 năm (1996 – 2000), Đảng ủy đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân, hợp tác xã nông nghiệp kết hợp phát triển sản xuất (chăn nuôi) tại các gia đình nhưng làm tốt công tác vệ sinh môi trường, vì vậy toàn xã không có dịch bệnh xảy ra. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, ngành nghề tăng mạnh và nơi tiêu thụ cũng được các hộ, hợp tác xã lo ổn định.

Để đảm bảo cho sản xuất phát triển vững chắc, sinh hoạt của nhân dân ổn định và ngày càng nâng lên, Đảng bộ xã đã tiếp tục lãnh đạo hoàn chỉnh công tác thủy lợi, giao thông, xây dựng cơ sở hạ tầng, giải quyết tốt nhất những vấn đề bức xúc của xã hội đặt ra:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã khoá XX và Nghị quyết kỳ họp Hội đồng nhân dân xã kỳ họp thứ 6 (khoá 1994 – 1999) về việc đắp bồi sông Châu Giang để bảo vệ hoa màu và tài sản nhân dân khu vực Minh Giang, Bắc Hòa, Hoàn triệt khu cửa chợ và hai thôn Lê Thuỷ, Văn Bút. Đảng bộ đã lãnh đạo đắp toàn bộ tuyến bồi dài 3.400 m với tổng khối lượng đào đắp lên tới 35.000

m3, xây dựng mới 3 cống và sửa chữa 3 cống cũ trên tuyến với kinh phí đầu tư 573.900.000 đồng. Thủy lợi nội đồng cũng tiến hành huy động nạo vét toàn bộ kênh mương đảm bảo tưới, tiêu khoa học phục vụ tốt cho thâm canh lúa và hoa màu. Thực hiện sửa chữa lớn 2 cống ông Tình, bà Đoan với kinh phí 101 triệu đồng. Nạo vét kênh mương với khối lượng 1500 m3, xây 3 cống mới, kinh phí xây dựng 21 triệu đồng. Tham gia làm thủy lợi nghĩa vụ do huyện giao với khối lượng 690 m3 bằng 11 triệu đồng.

Để phục vụ điện cho bơm nước, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và sinh hoạt của nhân dân, xã đã làm mới và tu sửa 7000 m đường dây hạ thế và một số tuyến đường dây truyền thanh với kinh phí 330 triệu đồng. Toàn bộ kinh phí đắp bồi sông Châu Giang, làm đường điện do nhân dân trong xã đóng góp bình quân 20kg thóc trên đầu sào và được thu vào vụ mùa năm 1997 và vụ chiêm xuân năm 1998.

Về xây dựng cơ bản, làm đường giao thông nông thôn vẫn được chú trọng và chuyển biến mạnh. Với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Đường của xã quản lý, đường liên thôn tiếp tục rải đá cấp phối, đường trong các thôn bắt đầu tiến hành bê tông hoá. Kết quả, trong 5 năm (1996 – 2000) đã làm được 2 km đường bê tông với kinh phí 385 triệu đồng (xã hỗ trợ 62 triệu đồng). Tính trong phạm vi đường trong toàn xã thì đến năm 2000 đã đạt 50% đường bê tông và rải đá cấp phối, đảm bảo thuận tiện cho sản xuất, cho sinh hoạt, cho vệ sinh môi trường và bộ mặt của nông thôn từng bước đổi mới. Về việc xây dựng các công trình phúc lợi triển khai đồng bộ và dài hạn như thực hiện quy hoạch, tạo nguồn vốn, sử dụng công trình. Trong 5